**Câu 1:** Trong C, tham trị là gì?

1. Truyền giá trị của biến vào hàm
2. Truyền địa chỉ của biến vào hàm
3. Truyền tên biến vào hàm
4. Truyền tham số tĩnh vào hàm

**Câu 2:** Trong C, tham chiếu có thể được thực hiện bằng cách nào?

1. Truyền giá trị
2. Truyền địa chỉ thông qua con trỏ
3. Truyền mảng
4. Truyền biến cục bộ

**Câu 3:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void swap(int a, int b) {  int temp = a;  a = b;  b = temp;  }  int main() {  int x = 5, y = 10;  swap(x, y);  printf("%d %d", x, y);  return 0;  } |

1. 5 10
2. 10 5
3. Lỗi biên dịch
4. Không xác định

**Câu 4:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void swap(int \*a, int \*b) {  int temp = \*a;  \*a = \*b;  \*b = temp;  }  int main() {  int x = 5, y = 10;  swap(&x, &y);  printf("%d %d", x, y);  return 0;  } |

A. 5 10

B. 10 5

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 5:** Khi truyền một biến vào hàm sử dụng con trỏ, thì biến đó được truyền theo cách nào?

A. Tham trị

B. Tham chiếu

C. Giá trị sao chép

D. Truyền bằng hằng

**Câu 6:** Trong truyền tham trị, khi giá trị của biến được thay đổi trong hàm thì giá trị của nó ngoài hàm sẽ như thế nào?

A. Thay đổi

B. Không thay đổi

C. Lỗi biên dịch

D. Chương trình dừng đột ngột

**Câu 7:** Truyền tham chiếu trong C thường được thực hiện bằng cách nào?

A. Sử dụng biến con trỏ

B. Sử dụng mảng

C. Sử dụng biến toàn cục

D. Sử dụng biến tĩnh

**Câu 8:** Giá trị của x sau khi chạy đoạn mã sau là gì?

|  |
| --- |
| void increment(int \*a) {  \*a = \*a + 1;  }  int main() {  int x = 10;  increment(&x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 10

B. 11

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 9:** Tại sao truyền tham chiếu có thể giúp tiết kiệm bộ nhớ hơn so với truyền tham trị?

A. Vì không tạo ra bản sao của biến

B. Vì sử dụng ít dòng code hơn

C. Vì truyền trực tiếp giá trị của biến

D. Vì chỉ truyền biến toàn cục

**Câu 10:** Khi truyền một mảng vào hàm, mảng đó được truyền theo:

A. Tham trị

B. Tham chiếu

C. Giá trị sao chép

D. Truyền bằng hằng

**Câu 11:** Điều gì sẽ xảy ra nếu bạn thay đổi giá trị của một biến con trỏ trong hàm được truyền bằng tham chiếu?

A. Biến gốc không bị thay đổi

B. Biến gốc bị thay đổi

C. Lỗi biên dịch

D. Chương trình dừng đột ngột

**Câu 12:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void modify(int \*a) {  \*a = 20;  }  int main() {  int x = 10;  modify(&x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 10

B. 20

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 13:** Sự khác biệt chính giữa tham trị và tham chiếu là gì?

A. Tham trị truyền giá trị, tham chiếu truyền địa chỉ

B. Tham trị truyền biến toàn cục, tham chiếu truyền biến cục bộ

C. Tham trị nhanh hơn tham chiếu

D. Tham chiếu không thể được sử dụng với biến toàn cục

**Câu 14:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void func(int a) {  a = 50;  }  int main() {  int x = 10;  func(x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 50

B. 10

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 15:** Khi một con trỏ được truyền vào hàm, thay đổi trên biến mà con trỏ trỏ tới sẽ ảnh hưởng như thế nào đến biến ban đầu?

A. Không thay đổi

B. Thay đổi

C. Lỗi biên dịch

D. Chỉ thay đổi nếu con trỏ là hằng

**Câu 16:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void change(int \*ptr) {  \*ptr = 100;  }  int main() {  int num = 25;  change(&num);  printf("%d", num);  return 0;  } |

A. 25

B. 100

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 17:** Tham trị truyền:

A. Địa chỉ của biến

B. Giá trị của biến

C. Con trỏ tới biến

D. Giá trị mặc định của biến

**Câu 18:** Truyền tham chiếu trong C có thể được thực hiện bằng cách nào?

A. Sử dụng con trỏ

B. Sử dụng kiểu int

C. Sử dụng hàm đệ quy

D. Sử dụng hằng số

**Câu 19:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void modify(int \*x) {  \*x = \*x + 5;  }  int main() {  int a = 10;  modify(&a);  printf("%d", a);  return 0;  } |

A. 10

B. 15

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 20:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void set\_value(int \*ptr) {  \*ptr = 7;  }  int main() {  int x = 10;  set\_value(&x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 7

B. 10

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 21:** Truyền tham trị thường sử dụng:

A. Giá trị của biến

B. Địa chỉ của biến

C. Con trỏ tới biến

D. Biến tĩnh

**Câu 22:** Trong C, tham trị có nghĩa là truyền:

A. Giá trị của biến vào hàm

B. Địa chỉ của biến vào hàm

C. Tên biến vào hàm

D. Con trỏ vào hàm

**Câu 23:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void update(int a) {  a = 40;  }  int main() {  int x = 30;  update(x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 40

B. 30

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 24:** Sử dụng con trỏ để truyền tham chiếu có lợi ích gì?

A. Giảm thiểu dung lượng bộ nhớ sử dụng

B. Dễ đọc mã nguồn hơn

C. Tăng tốc độ biên dịch

D. Giảm lỗi logic

**Câu 25:** Khi sử dụng con trỏ để truyền tham chiếu, điều gì sẽ xảy ra khi thay đổi giá trị của biến mà con trỏ trỏ đến trong hàm?

A. Biến ban đầu bị thay đổi

B. Không thay đổi gì

C. Lỗi biên dịch

D. Giá trị mặc định được sử dụng

**Câu 26:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void increment(int \*p) {  (\*p)++;  }  int main() {  int x = 5;  increment(&x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 5

B. 6

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 27:** Truyền mảng vào hàm trong C là theo kiểu:

A. Tham trị

B. Tham chiếu

C. Hằng số

D. Biến tĩnh

**Câu 28:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void func(int \*ptr) {  \*ptr = 25;  }  int main() {  int num = 10;  func(&num);  printf("%d", num);  return 0;  } |

A. 10

B. 25

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định

**Câu 29:** Con trỏ là gì trong C?

A. Một biến chứa địa chỉ của biến khác

B. Một biến chứa giá trị của biến khác

C. Một biến chứa dữ liệu mặc định

D. Một hàm truyền tham trị

**Câu 30:** Kết quả của đoạn mã dưới đây là gì?

|  |
| --- |
| void update(int \*a) {  \*a = 100;  }  int main() {  int x = 50;  update(&x);  printf("%d", x);  return 0;  } |

A. 50

B. 100

C. Lỗi biên dịch

D. Không xác định